

Báo cáo thị trường tiền tệ

NHNN tiếp tục hút ròng khi lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ

NHNN tiếp tục duy trì rút ròng thanh khoản

Trong tuần 24 năm 2026 (từ ngày 8 đến 12 tháng 6), NHNN tiếp tục duy trì trạng thái rút ròng thanh khoản khỏi hệ thống ngân hàng tuần thứ hai liên tiếp khi áp lực thanh khoản trong hệ thống đã dịu bớt. Cụ thể, NHNN chỉ phát hành 43.11 nghìn tỷ đồng thông qua các hợp đồng mua kỳ hạn mới, trong khi có tới 68.84 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến mức rút ròng thanh khoản đạt 25.73 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống ngân hàng.

Lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt

Trong tuần này, lãi suất liên ngân hàng ghi nhận xu hướng giảm ở tất cả các kỳ hạn, trong đó mức giảm mạnh nhất tập trung ở phần đầu của đường cong lãi suất, khiến đường cong lợi suất liên ngân hàng trở nên dốc hơn. Xu hướng này đi kèm với sự sụt giảm nhẹ của khối lượng giao dịch. Cụ thể, lãi suất các kỳ hạn qua đêm, 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và 1 năm giảm lần lượt 280 đcb, 180 đcb, 157 đcb, 40 đcb, 10 đcb, 10 đcb, 25 đcb và 25 đcb xuống mức tương ứng là 3.40%, 4.80%, 5.33%, 6.80%, 7.80%, 7.90%, 8.05% và 8.05%. Thêm vào đó, khối lượng giao dịch bình quân giảm 1.4% so với tuần trước xuống còn 822.92 nghìn tỷ đồng.

Tỷ giá USDEVND giảm nhẹ

Trong tuần này, tỷ giá USDEVND dịch chuyển giảm nhẹ khi đồng bạc xanh sụt giảm đáng kể, với chỉ số DXY đóng cửa tại mức 99.7 vào phiên thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, đồng USD chịu áp lực tăng vào đầu tuần do chỉ số CPI toàn phần tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái, tuy nhiên mức lạm phát lõi ổn định ở mức 2.9% đã nhanh chóng làm dịu bớt lo ngại về các đợt tăng lãi suất quyết liệt của Fed. Đà tăng trưởng của đồng bạc xanh bị đảo ngược hoàn toàn về phía cuối tuần khi bước đột phá từ một thỏa thuận hòa bình giữa Washington và Tehran giúp xoa dịu các mối lo ngại về nguồn cung năng lượng, kéo đồng USD đi xuống. Tại thị trường trong nước, tỷ giá USDEVND trên thị trường liên ngân hàng bám sát xu hướng hạ nhiệt chung của thế giới khi giảm 0.07% (tương đương 19 điểm) xuống còn 26,310.

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T12-25	T1-26	T2-26	T3-26	T4-26	T5-26	Corr.
FDI %n/n	9.5	11.3	6.3	9.3	11.9	8.8	-0.16
Tổng mức bán lẻ %n/n	7.8	7.7	11.9	11.5	11.6	11.8	-0.16
Xuất khẩu %n/n	23.8	29.7	5.7	20.1	21.0	18.0	-0.05
Nhập khẩu %n/n	27.7	49.2	4.4	27.8	32.5	33.8	0.04
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	-0.7	-1.8	-1.0	-0.7	-3.3	-5.2	-0.03
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.2	0.0	1.1	1.2	0.8	0.3	-0.03
Tín dụng %n/n	19.1	19.8	19.7	18.2	18.0	#NA	-0.23
USDEVND %t/t	-0.6	-1.0	0.3	1.2	0.0	-0.2	-0.3
PMI(Điểm)	53.0	52.5	54.3	51.2	50.5	52.8	-0.09
VNINDEX %t/t	5.5	2.5	2.8	-10.9	10.7	0.5	1.00

Nguồn: NHNN, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;

Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN tiếp tục duy trì rút ròng thanh khoản.....	1
II. Lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt	3
III. Lợi suất TPCP nhích tăng nhẹ	4
IV. Tỷ giá USDEVND giảm nhẹ	7
Thống kê vĩ mô	9

Research Dept.

researchdept@kisvn.vn

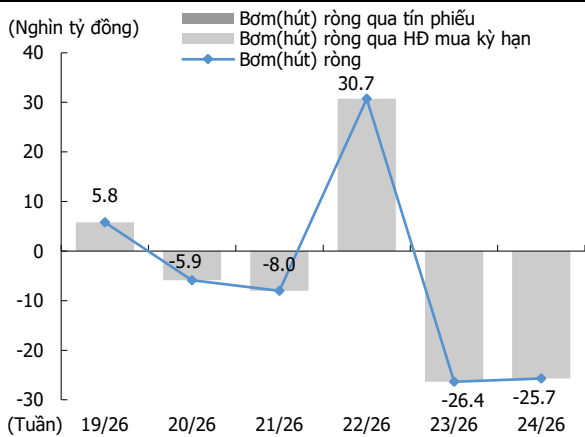
I. NHNN tiếp tục duy trì rút ròng thanh khoản

NHNN kéo dài chuỗi rút ròng thanh khoản sang tuần thứ hai liên tiếp

Trong tuần 24 năm 2026 (từ ngày 8 đến 12 tháng 6), NHNN tiếp tục duy trì trạng thái rút ròng thanh khoản khỏi hệ thống ngân hàng tuần thứ hai liên tiếp khi áp lực thanh khoản trong hệ thống đã dịu bớt. Cụ thể, NHNN chỉ phát hành 43.11 nghìn tỷ đồng thông qua các hợp đồng mua kỳ hạn mới, trong khi có tới 68.84 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến mức rút ròng thanh khoản đạt 25.73 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống ngân hàng.

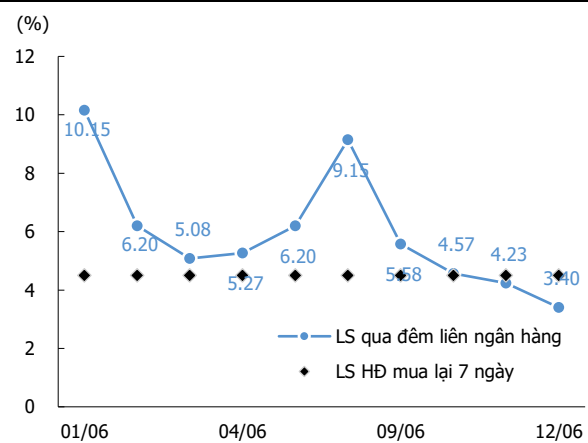
Trong bối cảnh vĩ mô hiện tại, áp lực lạm phát và đà tăng trưởng tiền gửi chậm hơn so với tốc độ tăng trưởng tín dụng tiếp tục gây áp lực lên hệ thống ngân hàng cũng như môi trường lãi suất nói chung. Tuy nhiên, NHNN đã giúp xoa dịu các áp lực này thông qua việc kết hợp các giao dịch hoán đổi tiền tệ và các công cụ thị trường mở, từ đó giảm thiểu tác động thanh khoản từ các hợp đồng repo đáo hạn. Hướng tới tương lai, chúng tôi kỳ vọng NHNN sẽ tiếp tục bình ổn lãi suất liên ngân hàng nhằm tránh các biến động quá mức, đồng thời chủ động điều tiết các hoạt động OMO để đảm bảo hệ thống ngân hàng vận hành thông suốt.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 7 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
8/06/26	15/06/26	7	13.12	4.50
9/06/26	16/06/26	7	1.00	4.50
10/06/26	17/06/26	7	0.94	4.50
11/06/26	18/06/26	7	1.00	4.50
Tổng		7	16.06	

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin phát hành HĐ mua kỳ hạn 35 ngày

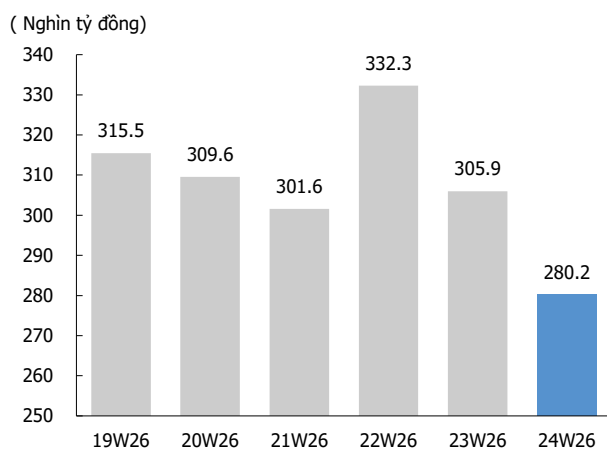
Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
8/06/26	13/07/26	35	10.09	4.50
9/06/26	14/07/26	35	0.82	4.50
10/06/26	15/07/26	35	1.00	4.50
11/06/26	16/07/26	35	0.93	4.50
12/06/26	17/07/26	35	0.22	4.50
Tổng		35	13.06	

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 56 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
8/06/26	3/08/26	56	9.99	4.50
9/06/26	4/08/26	56	1.00	4.50
10/06/26	5/08/26	56	1.00	4.50
11/06/26	6/08/26	56	1.00	4.50
12/06/26	7/08/26	56	1.00	4.50
Tổng		56	13.99	

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành

Nguồn: NHNN, KIS

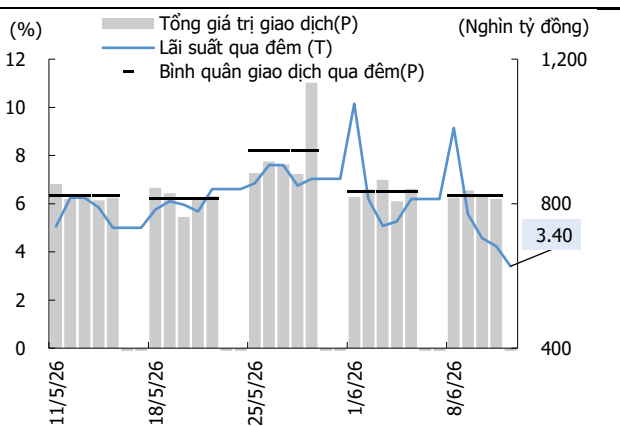
II. Lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt

Đường cong lãi suất liên ngân hàng dốc hơn khi lãi suất giảm ở các kỳ hạn

Trong tuần này, lãi suất liên ngân hàng ghi nhận xu hướng giảm ở tất cả các kỳ hạn, trong đó mức giảm mạnh nhất tập trung ở phần đầu của đường cong lãi suất, khiến đường cong lợi suất liên ngân hàng trở nên dốc hơn. Xu hướng này đi kèm với sự sụt giảm nhẹ của khối lượng giao dịch. Cụ thể, lãi suất các kỳ hạn qua đêm, 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và 1 năm giảm lần lượt 280 đcb, 180 đcb, 157 đcb, 40 đcb, 10 đcb, 10 đcb, 25 đcb và 25 đcb xuống mức tương ứng là 3.40%, 4.80%, 5.33%, 6.80%, 7.80%, 7.90%, 8.05% và 8.05%. Thêm vào đó, khối lượng giao dịch bình quân giảm 1.4% so với tuần trước xuống còn 822.92 nghìn tỷ đồng.

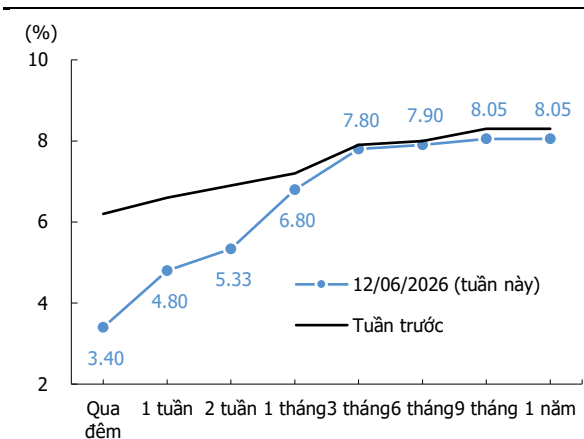
Những diễn biến này cho thấy nhu cầu vốn của các ngân hàng đã dịu bớt sau các biện pháp điều tiết gần đây của NHNN. Đáng chú ý, NHNN đã sử dụng các giao dịch hoán đổi tiền tệ để hỗ trợ thanh khoản hệ thống, trong khi các hoạt động OMO đã giúp giảm thiểu tác động từ các hợp đồng mua kỳ hạn đáo hạn và ổn định các điều kiện vốn ngắn hạn. Với lập trường hỗ trợ dự kiến từ NHNN, lãi suất liên ngân hàng nhiều khả năng sẽ duy trì ổn định trên diện rộng trong ngắn hạn.

Hình 7. Giao dịch liên ngân hàng



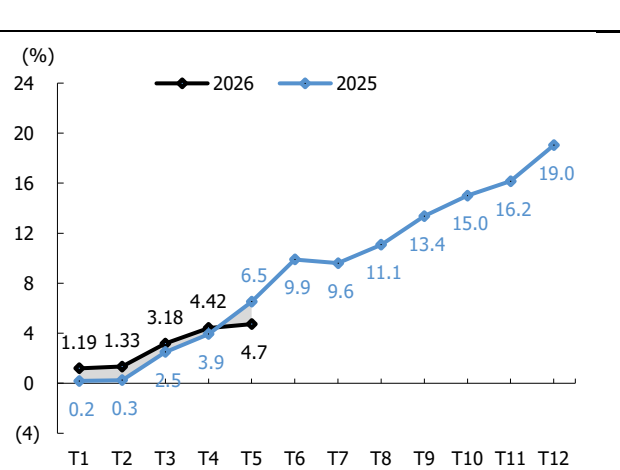
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 8. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



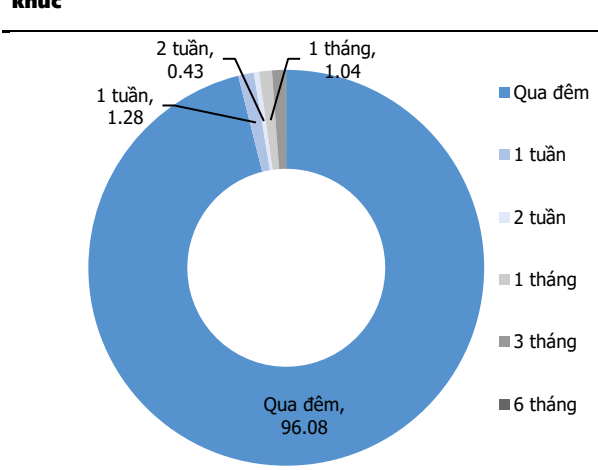
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 9. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN
 Chú thích: Cập nhật đến ngày 18/05/2026

Hình 10. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



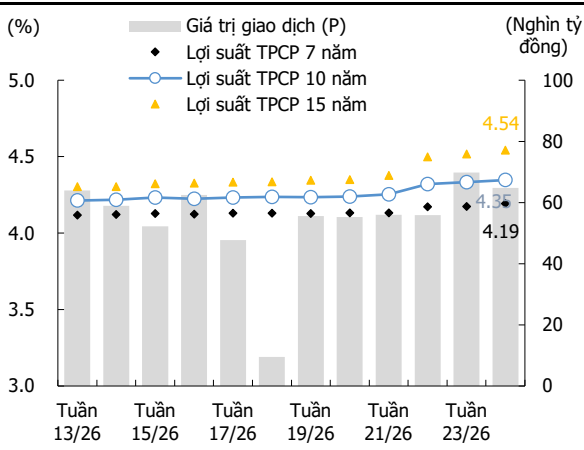
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lợi suất TPCP nhích tăng nhẹ

Lợi suất thị trường thứ cấp gia tăng trong bối cảnh giá trị giao dịch sụt giảm

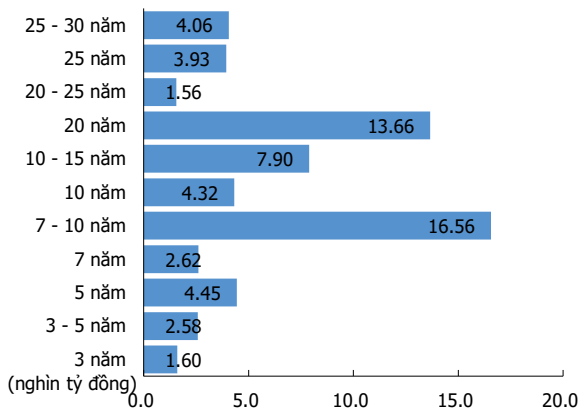
Trên thị trường thứ cấp, lợi suất TPCP ghi nhận mức tăng ở các kỳ hạn, đi kèm với sự sụt giảm nhẹ của hoạt động giao dịch. Cụ thể, lợi suất các kỳ hạn 2 năm, 3 năm, 4 năm, 5 năm, 7 năm, 11 năm, 15 năm và 20 năm đều nhích tăng 2 đcb để đạt mức tương ứng là 3.46%, 3.54%, 3.84%, 4.15%, 4.19%, 3.36%, 4.54% và 4.59%. Thêm vào đó, lợi suất kỳ hạn 10 năm nhích nhẹ 1 đcb lên mức 4.35%, trong khi lợi suất kỳ hạn 30 năm tăng 3 đcb lên mức 4.67%. Tổng giá trị giao dịch giảm 7.11% xuống còn 64.82 nghìn tỷ đồng, tương đương với giá trị giao dịch bình quân đạt 21.61 nghìn tỷ đồng mỗi phiên.

Hình 11: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



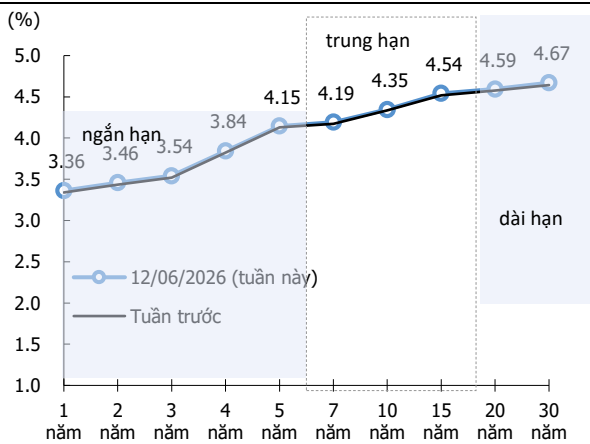
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 12: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



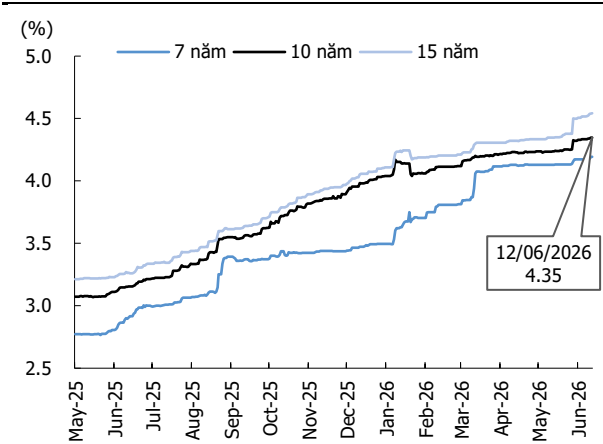
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 13: Đường cong lợi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

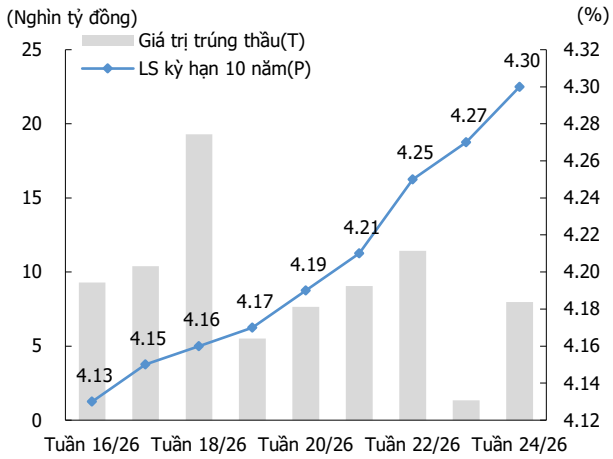
Hình 14: Lợi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

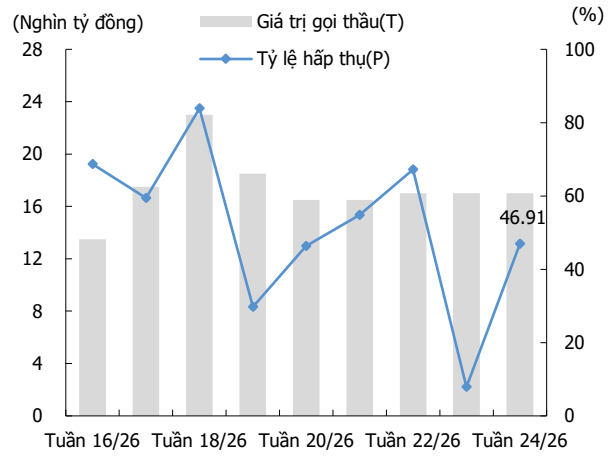
Trên thị trường sơ cấp, hoạt động phát hành phục hồi mạnh mẽ khi KBNN đấu thầu thành công 7.98 nghìn tỷ đồng trong tuần này, tăng gần gấp sáu lần so với mức thấp của tuần trước. Trong khi đó, chi phí huy động vốn trên thị trường sơ cấp tiếp tục điều chỉnh tăng, khi lợi suất trúng thầu của kỳ hạn chuẩn 10 năm tăng thêm 3 đcb lên mức 4.30%. Tính đến hiện tại, KBNN đã hoàn thành 38.1% kế hoạch phát hành năm 2026, đạt tốc độ nhanh hơn một chút so với tỷ lệ thực hiện 35.49% ghi nhận cùng kỳ năm ngoái.

Hình 15: Giá trị trúng thầu hàng tuần



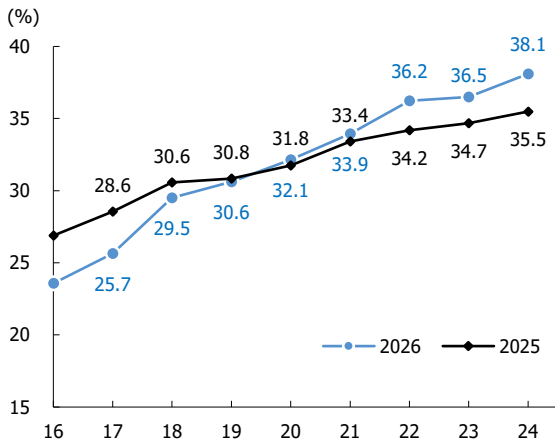
Nguồn: HNX, KIS

Hình 16: Hệ số hấp thụ hàng tuần



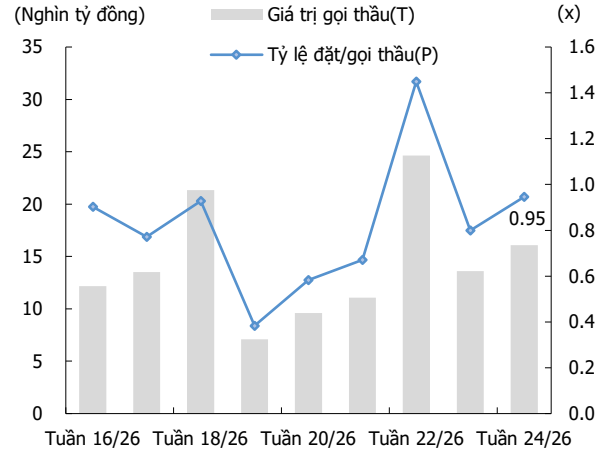
Nguồn: HNX, KIS

Hình 17: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm



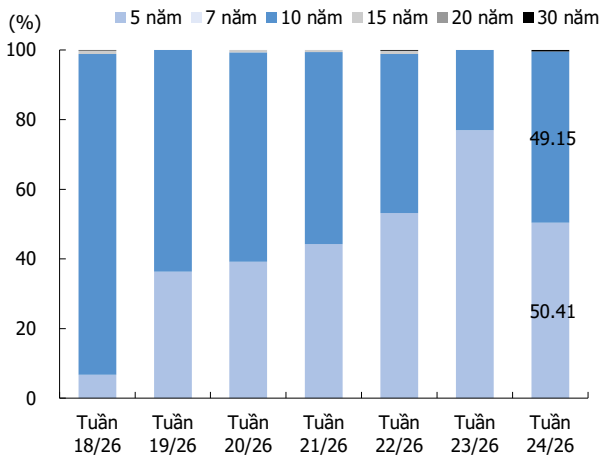
Nguồn: HNX, KIS

Hình 18: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



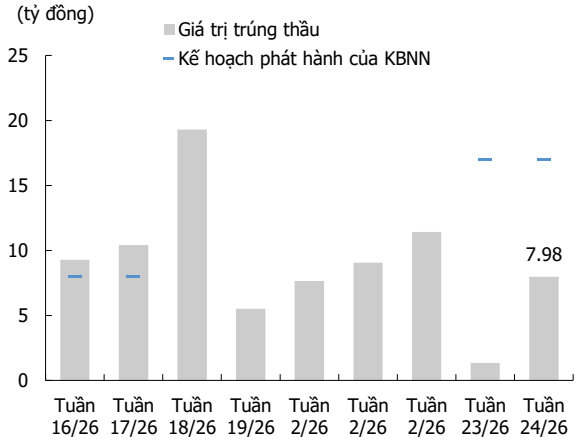
Nguồn: HNX, KIS

Hình 19: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



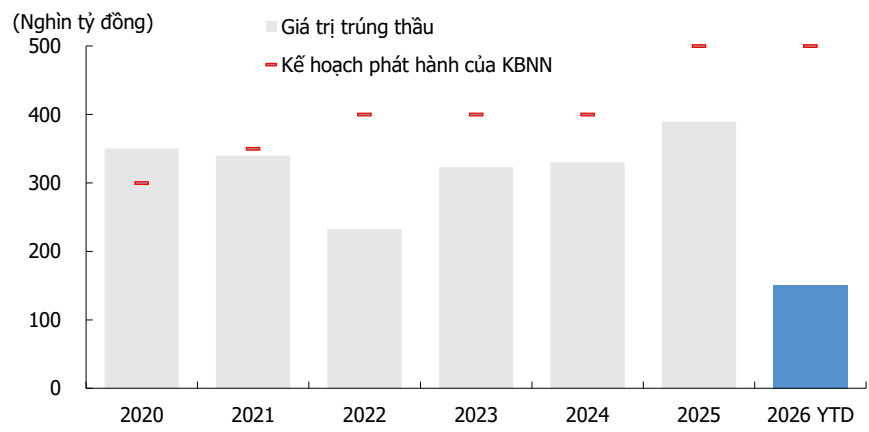
Nguồn: HNX, KIS

Hình 20: Lượng TPCP phát hành hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 21. Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

IV. Tỷ giá USDVND giảm nhẹ

Căng thẳng địa chính trị hạ nhiệt kim hãm đà tăng trưởng của đồng USD toàn cầu

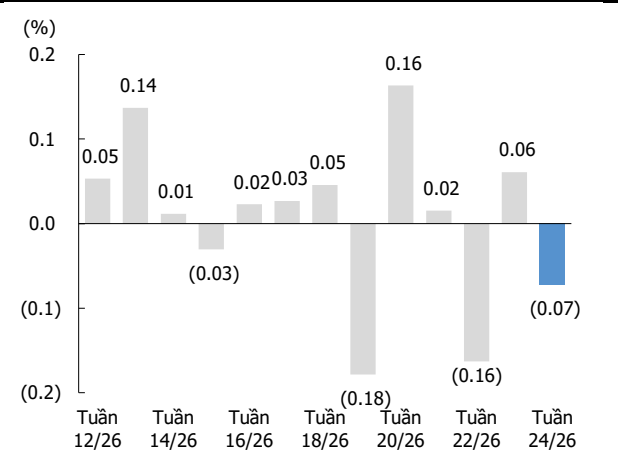
Trong tuần này, tỷ giá USDVND ghi nhận giảm nhẹ khi đồng bạc xanh sụt giảm đáng kể, với chỉ số DXY đóng cửa tại mức 99.7 (-0.32% WoW) vào phiên thứ Sáu.

Trên thị trường quốc tế, đồng USD chịu áp lực tăng vào đầu tuần sau báo cáo từ Cục Thống kê Lao động Mỹ cho thấy chỉ số CPI toàn phần tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, do lạm phát lõi vẫn duy trì ổn định ở mức 2.9%, thị trường đã nhanh chóng giảm bớt lo ngại về các đợt tăng lãi suất quyết liệt của Fed. Đà tăng trưởng của đồng bạc xanh sau đó bị đảo ngược hoàn toàn về phía cuối tuần, do căng thẳng địa chính trị hạ nhiệt rõ rệt sau khi Washington và Tehran công bố một thỏa thuận hòa bình sơ bộ nhằm chấm dứt xung đột và mở lại các tuyến hàng hải quan trọng, bao gồm eo biển Hormuz. Bước đột phá ngoại giao này đã nhanh chóng làm dịu các mối lo ngại về nguồn cung năng lượng, từ đó giảm thiểu áp lực lạm phát toàn cầu do giá năng lượng tăng vọt trước đó và kéo đồng USD đi xuống.

Tại thị trường trong nước, tỷ giá USDVND giảm 0.07% (tương đương 19 điểm) xuống còn 26,310, bám sát xu hướng hạ nhiệt chung của thế giới. Đồng nội tệ mạnh lên bất chấp những rào cản dai dẳng từ đà bán ròng của khối ngoại trên sàn HoSE. Cụ thể, các nhà đầu tư nước ngoài đã kéo dài chuỗi bán ròng sang tuần thứ 13 liên tiếp, với giá trị rút ròng đạt 3.12 nghìn tỷ đồng (chiếm 3.9% tổng giá trị giao dịch).

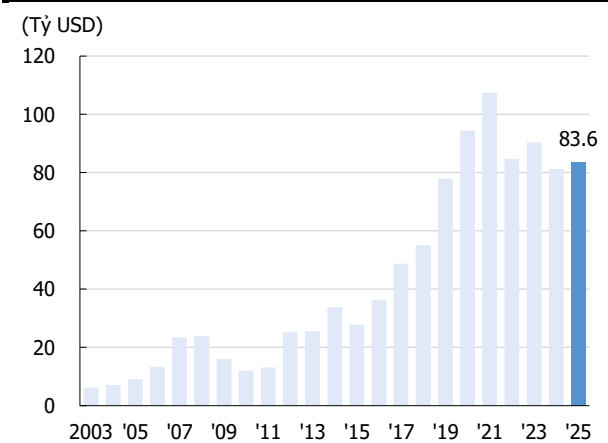
Về phương diện tỷ giá, giá bán USDVND tại Vietcombank nhích nhẹ 0.03% (tương đương 8 điểm) lên mức 26,412, trong khi tỷ giá trên thị trường tự do ghi nhận mức giảm mạnh 0.45% (tương đương 120 điểm) và đóng cửa tại mức 26,270 tính đến phiên thứ Sáu.

Hình 22: Diễn biến của USDVND theo tuần



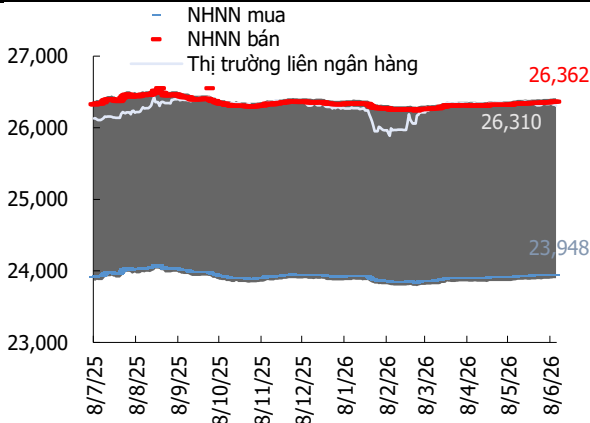
Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 23: Dự trữ ngoại hối của Việt Nam



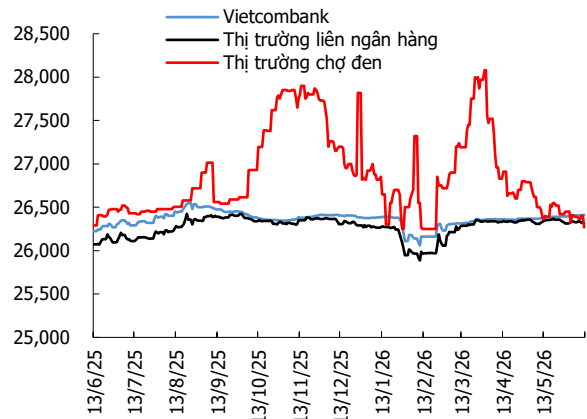
Nguồn: IMF, Bloomberg, KIS

Hình 24: Diễn biến giao dịch của NHNN



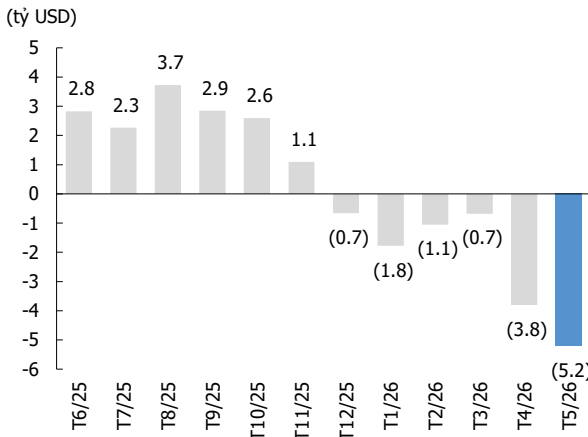
Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 25: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



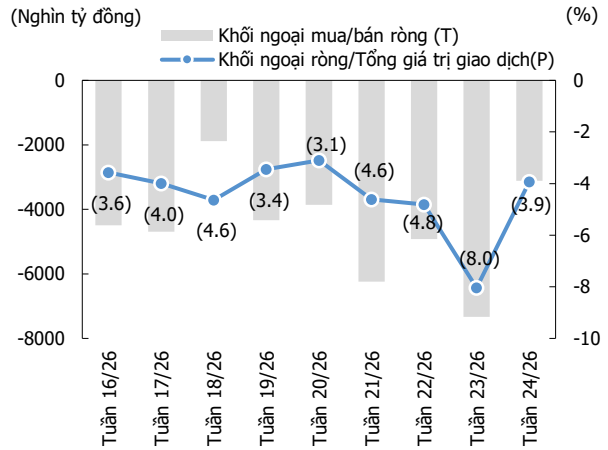
Nguồn: SBV, Vietcombank, KIS

Hình 26: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



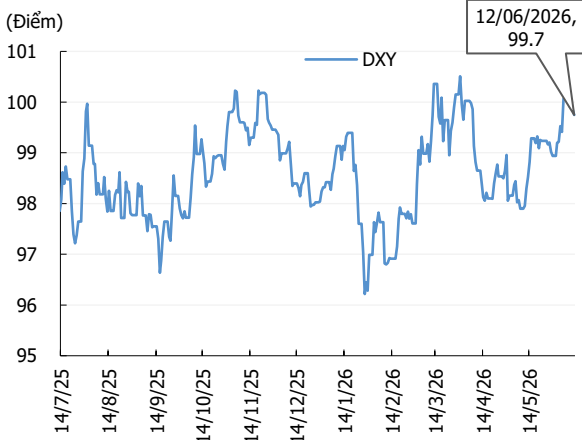
Nguồn: GSO, KIS
 Chú thích: Cập nhật đến ngày 06/04/2026

Hình 27: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiinpro, KIS

Hình 28: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 29: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

		22W26	23W26	24W26	2026 YTD
Trung Quốc	USDCNY	-0.44	0.33	-0.38	-3.22
EU	USDEUR	-0.48	1.19	-0.40	1.53
Mexico	USDMXN	0.10	0.69	-1.41	-17.03
Việt Nam	USDVND	-0.16	0.06	-0.07	0.14
Canada	USDCNY	-0.18	1.04	0.37	-3.04
Thượng Hải	USDTWD	-0.61	0.42	0.43	-3.82
Nhật Bản	USDJPY	0.06	0.64	-0.03	2.42
Hàn Quốc	USDKRW	-0.90	3.70	-2.70	5.39
Thái Lan	USDTHB	-0.42	0.26	0.11	3.67
DXY	Chỉ số đồng USD	-0.30	1.14	-0.32	1.45

Nguồn: SBV, Bloomberg
 Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá biến động nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T1-26	T2-26	T3-26	T4-26	T5-26	2Q25	3Q25	4Q25	1Q26	2022	2023	2024	2025
Tăng GDP thực (%)						8.16	8.25	8.46	7.83	8.54	4.98	7.04	8.02
FDI đăng ký (USD bn)	2.58	3.45	9.17	3.04	6.57	10.54	7.02	9.88	15.20	27.72	36.61	38.23	38.42
GDP bình quân (USD)										4,110	4,285	4,700	5,026
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.22	2.21	2.22	2.21	2.32	2.26	2.24	2.22
Xuất khẩu (tỷ USD)	43.19	33.06	46.44	45.52	46.93	110.62	118.38	126.3	122.93	371.85	355.5	405.5	475.0
Nhập khẩu (tỷ USD)	44.97	34.10	47.11	48.80	52.14	118.83	120.19	123.1	126.57	360.65	327.5	380.8	455.01
Tăng trưởng XK (%)	29.67	5.74	20.11	20.95	17.98	10.62	18.38	19.96	19.08	10.61	-4.4	14.3	17.00
Tăng trưởng NK (%)	49.22	4.40	27.83	32.53	33.79	18.83	20.19	21.28	27.00	8.35	-8.9	16.7	19.40
Lạm phát (%)	2.53	3.35	4.65	5.46	5.60	3.31	3.27	3.44	3.51	3.15	3.25	3.63	3.31
USD/VND	25,950	26,030	26,342	26,353	26,313	26,121	26,427	26,296	26,342	23,650	23,784	25,386	26,296
Tăng trưởng tín dụng (%)	19.83	19.74	18.24	17.96	#NA	19.22	20.10	19.07	15.88	14.2	13.7	13.8	17.87
TPCP 10 năm (%)	4.18	4.25	4.36	4.37	4.46	3.34	3.76	4.19	4.36	5.08	2.39	2.94	4.19

Nguồn: GSO, Bloomberg, FIA, IMF

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.